

Số: /BC-YTĐL

Đắk Glei, ngày 20 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei.

Thực hiện Công văn số 730/UBND-TCKH ngày 19/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei về việc báo cáo đánh giá sơ kết 3 năm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021- 2025;

Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2020 - 2025 cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

Đánh giá kết quả nửa đầu nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2020-2025

I. TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIX ĐẢNG BỘ HUYỆN

1. Ban hành kế hoạch, chương trình của cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025. Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei đã xây dựng Chương trình số 2970/CTr-YTĐL ngày 30/12/2020 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2020 - 2025; đồng thời hằng năm cụ thể hóa bằng Chương trình công tác và kế hoạch hoạt động của đơn vị để triển khai thực hiện.

2. Kết quả tổ chức học tập, phổ biến, quán triệt các nội dung Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2020-2025 cho viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị và đơn vị trực thuộc

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025. Hằng năm đơn vị đã kết hợp tuyên truyền phổ biến pháp luật phổ biến, quán triệt các nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 cho viên chức và người lao động trong cơ quan

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

1.1. Quy mô dân số trung bình: Dân số trung bình trên địa bàn huyện là 51148 người.

1.2. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trên địa bàn huyện Đắk Glei đều đạt chỉ tiêu Nghị quyết, đến nay tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,13%.

1.3. Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh: Đến năm 2022 tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh trên địa bàn huyện là 113,0.

1.4. Tỷ lệ bao phủ BHYT: Đến nay toàn huyện tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 88,87% .

1.5. Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã): Đến nay số giường bệnh trên địa bàn huyện là 25,2 giường bệnh/10.000 dân.

1.6. Số bác sỹ/10.000 dân: Đến nay số bác sỹ trên địa bàn huyện là 6,20 bác sỹ/10.000 dân.

1.7. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã: Toàn huyện có 12 xã/thị trấn đến nay đều đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (100%).

1.8. Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc: 12/12 (100%) xã/thị trấn có bác sỹ làm việc.

1.9. Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi: Tính đến năm 2022 tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi trên địa bàn huyện là 25,9%.

1.10. Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi): Tính đến năm 2022 tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi trên địa bàn huyện là 15,2%.

1.11. Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi: Tính đến quý I năm 2023 tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi trên địa bàn huyện là 20,1%.

1.12. Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi: Tính đến quý I năm 2023 tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn huyện là 28,1%.

2. Về các lĩnh vực chuyên môn

2.1. Khám chữa bệnh:

Kết quả việc nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; kết hợp khám và điều trị bằng y học cổ truyền với y học hiện đại; tăng cường hợp tác, liên kết khám, chữa bệnh giữa các cơ sở y tế trong tỉnh với các bệnh viện chất lượng cao trong nước; Tăng cường tập huấn, đào tạo, đào tạo lại, luân chuyển cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới:

- Chất lượng bệnh viện tại Trung tâm Y tế huyện cơ bản đã được cải thiện nâng lên qua kết quả công tác tiếp đón, điều trị chăm sóc người bệnh, triển khai công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý chất thải y tế, công tác truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe, công tác quản lý dược, vật tư y tế... được quan tâm triển khai. Từ năm 2020 đến nay hằng năm đơn vị tiến hành rà soát đề nghị Sở Y tế phê duyệt các dịch vụ kỹ thuật mới đúng tuyến từ bệnh viện huyện đến phòng

khám đa khoa khu vực và các trạm y tế¹, tỷ lệ thực hiện các dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 443 của Bộ Y tế (bệnh viện là 48,81%, PKĐKKV Đăk Môn là 79,78%, Trạm Y tế là 73,63%).

- Tuyên huyện: Năng lực cung ứng dịch vụ y tế của bệnh viện từng bước được nâng lên, cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện. Hoạt động khám, chữa bệnh đảm bảo đúng quy chế chuyên môn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán nâng cao chất lượng khám, điều trị, chăm sóc người bệnh. Chỉ số khám chữa bệnh 03 năm cụ thể: Số lần khám bệnh: 56.542 lượt; số bệnh nhân điều trị nội trú: 11.152 lượt. Công suất sử dụng giường bệnh trung bình trong 3 năm là 55,36%.

- Phòng khám ĐKKV Đăk Môn và các Trạm Y tế: Chất lượng chuyên môn tại các trạm y tế xã từng bước được nâng lên, việc bố trí đảm bảo 100% bác sỹ về công tác tại trạm y tế xã đã góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại tuyến xã. Tổng lần khám bệnh Trạm Y tế: 128.845 lượt, Tổng lần khám bệnh phòng khám ĐKKV Đăk Môn: 34.530 lượt.

- Tăng tăng cường phối hợp Đông-Tây y tại các cơ sở điều trị, trong 3 năm tổng số lần khám kết hợp Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại 102.284 lượt (trong đó tuyến huyện 39.961 lượt, Trạm Y tế 62.323 lượt), điều trị nội trú 661 lượt.

2.2. Y tế dự phòng:

Tiếp tục tăng cường thông tin giáo dục truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về vệ sinh phòng bệnh, phát triển các phong trào vệ sinh, rèn luyện thể dục thể thao, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”; quản lý tốt các bệnh xã hội, giảm tác hại của các bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS để phát triển kinh tế-xã hội: Duy trì kết quả loại trừ bệnh Phong; khống chế bệnh Sốt rét, tiến tới tiến loại trừ bệnh sốt rét; Giảm tỷ lệ mắc bệnh Lao mới, giảm tỷ lệ tử vong do bệnh Lao. Hạn chế lây nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng, làm chậm quá trình tiến triển của HIV thành AIDS, đẩy mạnh các biện pháp can thiệp, giảm thiểu tác hại một cách đồng bộ. Triển khai thực hiện quản lý tốt công tác bảo vệ sức khoẻ tâm thần cộng đồng tại 100% các xã/thị trấn; Đẩy mạnh thực hiện chương trình phòng chống các bệnh không lây nhiễm, quản lý và điều trị đúng phác đồ các bệnh tiểu đường, cao huyết áp, giảm số mắc, số chết, giảm di chứng do các bệnh không nhiễm trùng. Tăng cường công tác y tế học đường, giảm tỷ lệ mắc các bệnh liên quan học đường; phối hợp các ngành chức năng tăng cường công tác giáo dục phòng chống tai nạn thương tích. Điều trị và thực hiện tốt phục hồi chức năng các trường hợp tai nạn thương tích, giảm tác động của tai nạn thương tích đến cuộc sống, đặc biệt lưu ý phát triển mạng lưới phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng ở tuyến xã.

¹ Bệnh viện 445 kỹ thuật; phòng khám ĐKKV Đăk Môn 304 kỹ thuật; Trạm Y tế 2.564 kỹ thuật.

2.3. Thực hiện các chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế và thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân

Trong những năm qua đơn vị đã triển khai nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực cho công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh, cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Y tế; triển khai thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh.

2.4. An toàn thực phẩm

Trong những năm qua đơn vị đã làm tốt công tác tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP của huyện ban hành các quyết định, công văn, kế hoạch... để lãnh chỉ đạo công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn huyện. Đã ban hành các văn bản triển khai, thực hiện công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn huyện. Tổ chức nói chuyện chuyên đề về ATTP; Tổ chức tập huấn cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống theo phân cấp; Cấp phát tờ rơi tuyên truyền cho người dân; Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, truyền hình huyện. Tham gia cùng Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP huyện kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn huyện. Tổ chức giám sát bảo đảm ATTP tại các sự kiện của huyện tổ chức.

2.5. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

- Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả tích cực, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm giảm đạt chỉ tiêu đề ra; quy mô dân số ổn định; chất lượng dân số ngày càng được nâng cao². Tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng về công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, đồng thời tham mưu cho huyện ban hành các chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện³.

² Dân số trung bình ngày 31/3/2023 là 51.638 người.

³ Kế hoạch số 54/KH-HU ngày 14-9-2021 của Ban thường vụ Huyện ủy về Kế hoạch triển khai cuộc vận động “Phụ nữ huyện Đăk Glei không sinh con thứ 3” giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 huyện Đăk Glei thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chương trình Truyền thông về Dân số huyện Đăk Glei đến năm 2030. Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện Đăk Glei về thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đăk Glei. Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND huyện Đăk Glei về thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đăk Glei. Kế hoạch số 1288/KH-YTĐL, ngày 29/6/2021 của Trung tâm Y tế Đăk Glei Kế hoạch triển khai thực hiện công tác Dân số huyện Đăk Glei 5 năm giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 26/4/2022 của UBND huyện Đăk Glei về thực hiện công tác dân số trên địa bàn huyện năm 2022. Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND huyện Đăk Glei về thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Đăk Glei. Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện Đăk Glei về thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn huyện Đăk Glei giai đoạn 2022-2025. Kế hoạch số 2118/KH-YTĐL ngày 29/9/2022 của Trung tâm Y tế Đăk Glei Thực hiện công tác truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Đăk Glei. Kế hoạch số 1866/KH-YTĐL ngày 19/8/2022 của Trung tâm Y tế Đăk Glei Kế hoạch hoạt động năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: Từ 2021-2025 trên địa bàn huyện Đăk Glei: Tiêu dự án 7 và dự án 10. Báo cáo số 634/BC-UBND ngày

- Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về công tác Dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn các xã, thị trấn. Duy trì mô hình sinh hoạt Câu lạc bộ không sinh con thứ 3 trở lên; Công tác nhận, bảo quản cung cấp phương tiện tránh thai miễn phí, tiếp thị xã hội, xã hội hóa đến các đối tượng sử dụng đảm bảo, kịp thời.

II. VỀ HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Hạn chế, khuyết điểm

- Tỷ lệ tăng tự nhiên đạt so với chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên chưa thật bền vững. Đặc biệt tại xã có tín ngưỡng tôn giáo còn khá cao và có xu hướng gia tăng trở lại; các trường hợp vi phạm chính sách DS-KHHGD (sinh con thứ 3 trở lên) nhất là đối với cán bộ, công chức viên chức có chiều hướng gia tăng.

- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã) và số bác sỹ/10.000 dân chưa đạt.

- Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo đội tuổi) và tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi ở các xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn còn ở mức cao.

2. Nguyên nhân khách quan, chủ quan

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Nhận thức, hành vi của cộng đồng nhân dân có tín ngưỡng tôn giáo về Dân số, SKSS/KHHGD chuyển biến rất chậm và còn nhiều khó khăn và thách thức. Do có sự ràng buộc của giáo lý tôn giáo và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ còn e ngại chưa thực hiện các Biện pháp tránh thai (BPTT) hiện đại nên tình trạng sinh con thứ 3 trở lên là phổ biến.

- Cơ sở hạ tầng tại bệnh viện được cải tạo mở rộng trong nhiều năm, tuy nhiên vẫn còn chật hẹp thiếu các phòng để điều trị người bệnh nội trú.

- Chưa có cơ chế chính sách đãi ngộ đối với cán bộ có trình độ sau đại học, bác sỹ chuyên khoa về công tác tại vùng khó khăn trên địa bàn huyện.

- Phần lớn điều kiện kinh tế các hộ gia đình các xã vùng sâu vùng xa còn rất khó khăn nên ảnh hưởng tới việc nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ nhất là trẻ em dưới 5 tuổi.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác tuyên truyền vận động nhân thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước về chính sách dân số còn thiếu đồng bộ dẫn đến việc thực hiện KHHGD

của nhân dân còn chưa thực sự đi vào đời sống của người dân để phù hợp với sự phát triển của xã hội.

- Một số gia đình các xã vùng đặc biệt khó khăn chưa quan tâm tốt đến việc nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ nhất là trẻ em dưới 5 tuổi.

- Một số bác sỹ không in tâm công tác nên đã tự bỏ việc hoặc xin chuyển đến các bệnh viện tuyến trên có chế độ ưu đãi, thu nhập cao để làm việc.

3. Bài học kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Nghị quyết

- *Một là:* Nắm vững các quan điểm chỉ đạo Đảng về công tác Y tế, triển khai thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ huyện đã đề ra sát với tình hình thực tế nhiệm vụ của đơn vị.

- *Hai là:* Tăng cường sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và của Ngành, tạo sự thống nhất trong công tác lãnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu Y tế trên địa bàn huyện.

- *Ba là:* Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ huyện.

- *Bốn là:* Phát huy tốt các nguồn lực sẵn có; đồng thời tranh thủ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư để phát triển công tác Y tế trên địa bàn.

- *Năm là:* Đổi mới hệ thống quản lý, cung cấp dịch vụ y tế và quản lý tài chính, đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế, thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe người dân; đa dạng hoá các hình thức hợp tác công-tư; có cơ chế chính sách đãi ngộ cán bộ.

Phần thứ hai

CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP LỚN TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN HẾT NHIỆM KỲ

I. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG NỬA CUỐI NHIỆM KỲ

1. Thuận lợi: Sự quan tâm chỉ đạo của Sở Y tế, Ủy ban nhân huyện trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn; sự phối hợp của các ban ngành đoàn thể từ huyện đến xã cùng với ngành Y triển khai công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn; sự chỉ đạo quyết liệt của chính quyền địa phương về lĩnh vực y tế trên địa bàn; sự phát triển về kinh tế- xã hội tại địa phương...

2. Khó khăn: Là huyện có điều kiện kinh tế còn rất khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn rất cao; địa bàn huyện phần lớn là đồi núi nguy cơ tiềm ẩn của dịch bệnh, thiên tai thảm họa là rất cao và thường trực...

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU; NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP LỚN TIẾP TỤC TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NHIỆM KỲ

1. Chỉ tiêu chủ yếu: Bám sát các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2020-2025 và kết quả thực hiện trong thời gian qua để từ đó phân đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ huyện đề ra.

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025
01	Dân số trung bình	Người	53.210
02	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (<i>thấp còi</i>)	%	<28
03	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (<i>thể cân nặng/tuổi</i>)	%	<17
04	Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi (<i>tính trên 1.000 trẻ đẻ sống</i>)	‰	<32,5
05	Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi (<i>tính trên 1.000 trẻ đẻ sống</i>)	‰	<51
06	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	100
07	Tỷ lệ xã có bác sỹ	%	100
08	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Bác sỹ	8,4

2. Nhiệm vụ, giải pháp lớn tiếp tục tập trung thực hiện đến hết nhiệm kỳ

2.1. Tổ chức phổ biến, quán triệt các Nghị quyết đến viên chức và người lao động:

Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2020- 2025; Chương trình số 66-CTr/HU ngày 12/3/2018 của Huyện ủy Đắk Glei về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chương trình số 67-CTr/HU ngày 12/3/2018 của Huyện ủy Đắk Glei về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, phù hợp với điều kiện thực tế và quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân huyện Đắk Glei giai đoạn 2011-2020 định hướng đến năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei; Nghị quyết 06-NQ/ĐH ngày 10-8-2020 của Đại hội Đại biểu lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025 Đảng bộ huyện Đắk Glei quán triệt đến toàn thể viên chức và người lao động trong đơn vị.

2.2. Củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở:

Tiếp tục thực hiện kiện toàn Trung tâm Y tế huyện theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương

khóa XII; Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ Y tế và các Đề án kế hoạch của tỉnh, Sở Y tế.

2.3. Nâng cao năng lực thực hiện tốt công tác y tế dự phòng; phòng chống các bệnh truyền nhiễm, không lây nhiễm:

Tăng cường thông tin giáo dục truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về vệ sinh phòng bệnh, phát triển các phong trào vệ sinh, rèn luyện thể dục thể thao, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”; quản lý tốt các bệnh xã hội, giảm tác hại của các bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS để phát triển kinh tế- xã hội: Duy trì kết quả loại trừ bệnh Phong; không chế bệnh Sốt rét hàng năm giảm 5% bệnh nhân sốt rét, tiến tới loại trừ bệnh sốt rét; Giảm tỷ lệ mắc bệnh Lao mới, giảm tỷ lệ tử vong do bệnh Lao. Hạn chế lây nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng, làm chậm quá trình tiến triển của HIV thành AIDS, đẩy mạnh các biện pháp can thiệp, giảm thiểu tác hại một cách đồng bộ. Triển khai thực hiện quản lý tốt công tác bảo vệ sức khoẻ tâm thần cộng đồng tại 100% các xã/thị trấn; Đẩy mạnh thực hiện chương trình phòng chống các bệnh không nhiễm trùng, quản lý tốt và điều trị đúng phác đồ các bệnh tiểu đường, cao huyết áp, giảm số mắc, số chết, giảm di chứng do các bệnh không nhiễm trùng. Tăng cường công tác y tế học đường, giảm tỷ lệ mắc các bệnh liên quan học đường; phối hợp các ngành chức năng tăng cường công tác giáo dục phòng chống tai nạn thương tích. Điều trị và thực hiện tốt phục hồi chức năng các trường hợp tai nạn thương tích, giảm tác động của tai nạn thương tích đến cuộc sống, đặc biệt lưu ý phát triển mạng lưới phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng ở tuyến xã.

2.4. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; chú trọng kết hợp khám chữa bệnh y học hiện đại với y học cổ truyền:

- Triển khai đơn vị phẫu thuật và hồi sức tích cực, phát triển ngân hàng máu tại khoa xét nghiệm, thành lập mới liên chuyên khoa RHM-TMH-Mắt, khoa kèm soát nhiễm khuẩn.

- Tăng cường công tác đào tạo các chuyên khoa, chú ý về ngoại khoa, gây mê hồi sức, hồi sức cấp cứu, sản khoa và chuyên khoa lẻ để triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn. Định hướng cho việc triển khai Đơn vị phẫu thuật và các chuyên khoa lẻ khi có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị.

- Tăng cường phối hợp Đông-Tây y tại các cơ sở điều trị. đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực. Duy trì, củng cố và phát triển các khoa Y học cổ truyền từng bước mở rộng quy mô khoa theo định hướng phát triển chung của ngành Y tế để thực hiện công tác khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyến kỹ thuật. Đầu tư trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền tại các cơ sở y tế, tăng công suất sử dụng giường bệnh của khoa Y học cổ truyền tại bệnh viện lên 90% vào năm 2025.

2.5. An toàn thực phẩm:

Tham mưu Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm, Đoàn kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm huyện triển khai các hoạt động về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện kịp thời và đúng theo quy định; phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã thị trấn tuyên truyền vận động người dân trong việc lựa chọn, chế biến, bảo quản và sử dụng thực phẩm đúng theo quy định, hạn chế để xảy ra ngộ độc thực phẩm; phối hợp với các thành viên Đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng cường xử lý các cơ sở vi phạm, góp phần bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng; tổ chức tập huấn cho cán bộ công tác lĩnh vực an toàn thực phẩm tuyên xã nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm và điều tra ngộ độc thực phẩm.

2.6. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về công tác DS-KHHGD trên địa bàn các xã, thị trấn. Duy trì mô hình sinh hoạt Câu lạc bộ không sinh con thứ 3 trở lên. Công tác nhận, bảo quản cung cấp phương tiện tránh thai miễn phí, tiếp thị xã hội, xã hội hóa đến các đối tượng sử dụng đảm bảo, kịp thời; tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng dịch vụ KHHGD hiện đại. Thu thập thông tin biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình từ các xã, thị trấn cập nhật vào kho dữ liệu điện tử chuyên ngành DS-KHHGD huyện.

2.7. Duy trì 100% xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã

Trên cơ sở bám sát các chỉ tiêu trong từng Tiêu chí theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2030, đồng thời căn cứ vào thực trạng, nguồn đầu tư của địa phương và đơn vị đề ra kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện. Hàng năm rà soát đánh giá đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng, củng cố duy trì 100% trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã.

2.8. Phát triển nguồn nhân lực bác sỹ để đạt 11,5 bác sỹ/vạn dân vào năm 2025:

- Tăng cường công tác đào tạo theo mọi hình thức để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho y tế cơ sở: Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2020-2025 và hàng năm để từng bước đáp ứng đủ các chuyên ngành, đảm bảo về trình độ chuyên môn cho y tế cơ sở.

- Tăng cường công tác đào tạo theo mọi hình thức để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho y tế cơ sở: Xây dựng kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2020-2025 và hàng năm để từng bước đáp ứng các chuyên ngành, đảm bảo về trình độ chuyên môn cho y tế cơ sở. Thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo lại, đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý cho cán bộ y tế cơ sở; đào tạo chuẩn hóa nhân viên y tế thôn, làng và đào tạo cô đỡ thôn, làng ưu tiên các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2.9. Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế:

Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực cho công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh, cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Y tế; triển khai thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh. Đẩy nhanh lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; bảo đảm đủ tiền lương và các chế độ, chính sách cho viên chức y tế cơ sở, phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, làng; xây dựng mức chi thường xuyên ngoài lương để bảo đảm kinh phí cho các hoạt động thường xuyên, hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu của trạm y tế xã. Đổi mới mạnh mẽ phương thức phân bổ ngân sách nhà nước, sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế và các nguồn lực khác cho y tế cơ sở theo hướng dựa trên kết quả hoạt động và các chỉ tiêu đầu ra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TC-KH huyện;
- Lãnh đạo Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT, KH-NV-ĐD-KSNK.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Đình Thiết